BSC

Thứ tư, ngày 2 tháng 11 năm 2022

Vietnam Daily Review

VN-Index giằng co trong vùng 1,020 - 1,030

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/11/2022	●		
Tuần 31/10-4/11/2022	●		
Tháng 10/2022		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co trong vùng 1,020-1,030, VN-Index kết phiên giảm hơn 10 điểm so với hôm qua, thanh khoản cũng giảm nhẹ. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm. Đáng nói hôm nay, ngành Dầu khí có một phiên tăng điểm tốt, đi ngược lại với xu hướng chung của thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Rạng sáng mai FED sẽ công bố chính thức về việc tăng lãi suất trong cuộc họp FOMC, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể sẽ phản ứng với thông tin này trong phiên ngày mai.

Hợp đồng tương lai: VN30F2211 và VN30F2212 tăng trong khi VN30 giảm. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 2/11/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index -10.56 điểm, đóng cửa 1023.19 điểm. HNX-Index -0.7 điểm, đóng cửa 211.66 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: HPG (+0.51), VPB (+0.51), VIB (+0.29), PVD (+0.15), BHN (+0.14).
• Kéo chỉ số giảm: MSN (-1.97), VCB (-1.67), VNM (-1), MWG (-0.77), EIB (-0.61).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,708 tỷ đồng, giảm -11.35% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,096 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 16.09 điểm. Thị trường có 164 mã tăng, 82 mã tham chiếu, 273 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -251.2 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-180.13 tỷ), KBC (-88.23 tỷ), GAS (-42.79 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.25 tỷ đồng.

Tổng quan

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1023.19**
Giá trị: 8708.24 tỷ -10.56 (-1.02%)
Khối ngoại (ròng): -251.2 tỷ

HNX-INDEX **211.66**
Giá trị: 706.96 tỷ -0.7 (-0.33%)
Khối ngoại (ròng): 0.25 tỷ

UPCOM-INDEX **76.01**
Giá trị: 259.39 tỷ -0.48 (-0.63%)
Khối ngoại(ròng): 1.33 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	88.9	0.61%
Giá vàng	1,654	0.34%
Tỷ giá USD/VND	24,849	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,867	0.35%
Tỷ giá JPY/VND	16,870	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.1%	-0.48%
LS TPCP 5 năm	5.0%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	46.88	HPG	-180.13
VHM	44.04	KBC	-88.23
FUESSVFL	17.04	GAS	-42.79
HDG	15.47	SSI	-25.41
0/1/1900	0.00	VNM	-23.63

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

BSC

11/2/2022

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 2/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	88.58	2.37%	3.82%	7.11%	7.45%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	94.74	2.08%	3.27%	8.97%	11.83%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.60	2.74%	1.50%	8.43%	5.91%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1647.83	0.90%	-0.28%	-3.02%	-7.80%		PNJ
Bạc	Ounce	19.61	2.46%	1.41%	-5.51%	-16.61%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1435.75	2.04%	3.89%	4.49%	15.41%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	902.50	2.30%	8.12%	-1.04%	14.02%	AFX	
Sữa	Cwt	21.82	0.05%	0.18%	9.98%	22.31%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	120.00	2.13%	-2.52%	-10.98%	-30.35%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	2348.00	0.56%	2.26%	0.47%	-4.44%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	919.20	-0.99%	2.50%	6.41%	-13.75%		
Cà phê	LB	174.60	-1.74%	-6.03%	-19.07%	-16.08%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.50	2.57%	2.50%	2.08%	-19.81%	CAV. SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3487.00	0.66%	-5.71%	-11.72%	-22.18%		HPG
Nhôm	Ton	2261.00	1.76%	2.08%	1.87%	-16.03%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	82.00	-2.38%	-14.14%	-16.33%	-19.21%	HPG	
Than đá	Ton	356.30	-7.62%	-8.64%	-10.70%	137.53%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ tăng 0.31% lên 88.65 USD/thùng vào lúc 7h19 (giờ Việt Nam) ngày 2/11. Giá dầu thô Brent giao tháng 1 cũng tăng 0.18% lên 94.81 USD/thùng.

• Giá dầu tăng gần 2% trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (2/11), phục hồi phần nào từ đợt giảm từ phiên trước đó, nhờ sự lạc quan rằng Trung Quốc - nhà nhập khẩu dầu hàng đầu thế giới - có thể mở cửa trở lại từ các hạn chế COVID nghiêm ngặt.

Giá vàng

• Trong phiên giao dịch sáng ngày 2/11, giá vàng giao ngay giảm nhẹ 0.08% xuống 1,646.7 USD/ounce vào lúc, theo kitco. Trong khi giá vàng giao tháng 12 ổn định ở 1,649.75 USD.

• Giá vàng trong phiên giao dịch đầu tuần vẫn chịu áp lực bán khi kỳ vọng ngân hàng trung ương Mỹ tăng lãi suất "khủng" cao đẩy đồng USD tăng mạnh.

Giá quặng sắt

• Giá quặng sắt kỳ hạn giao tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên giảm 4,1% xuống 606,50 nhân dân tệ (tương đương 83,31 USD)/tấn, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 22/7 là 602,50 nhân dân tệ/tấn lúc trước đó trong cùng phiên. Tính chung trong tháng 10, giá đã giảm hơn 15%.

• Giá quặng sắt cuối năm được dự báo sẽ ở mức thấp nhất trong 3 hoặc 4 năm qua do Trung Quốc và châu Âu cắt giảm sản lượng thép, trong khi áp lực gia tăng từ nguồn cung bổ sung.

Giá cao su

• Hợp đồng cao su giao tháng 4 của Sở giao dịch Osaka tăng 5,9 yên, tương đương 2,9%, lên 214,9 yên (1,45 USD)/kg. Hợp đồng cao su giao tháng 1 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 490 nhân dân tệ lên 12.190 nhân dân tệ (1.674 USD)/tấn.

• Giá cao su kỳ hạn của Nhật Bản kết thúc chuỗi 4 phiên giảm liên tiếp, theo xu hướng giá cao su ở Thượng Hải và giá cổ phiếu của Nhật Bản giảm, ngay cả khi hoạt động sản xuất yếu kém ảnh hưởng đến tâm lý.

Giá nông sản

• Giá cà phê arabica giao tháng 12/2022 tại New York đạt mức 174.6 US cent/pound, giảm 1.74% (tương đương 3.1 US cent). Giá cà phê robusta tại London giao tháng 1/2023 được ghi nhận tại mức 1,839 USD/tấn sau khi giảm 0.76% (tương đương 14 USD).

Thị trường chứng khoán thế giới

	2/11	% 2/11	1/11	% 1/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1023.19	-1.02%	1033.75	-20.45%	3.00%	-5.82%
S&P 500			3856.10	-0.41%	-0.08%	7.54%
HĐTL S&P500	3878.75	0.33%	3866.00	-6.74%	0.98%	5.11%
Shang-hai	3003.37	1.15%	2969.20	-4.45%	0.13%	-1.57%
Euro Stoxx	3674.87	0.65%	3651.02	-3.51%	1.93%	9.95%

** Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam*

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	48.0	-4.2%	0.8	3,054	9.0	3,504	13.7	3.0	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	101.1	-0.5%	0.6	1,081	1.4	7,720	13.1	2.9	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	52.0	-1.9%	1.1	1,678	1.4	2,359	22.0	1.7	26.4%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	40.0	0.0%	0.8	407	0.0	2,959	13.5	1.3	58.8%	9.6%
VIC	Bất động sản	55.4	0.0%	0.4	9,187	3.2	286	193.6	1.9	12.2%	1.0%
VRE	Bất động sản	25.8	-1.7%	1.1	2,549	1.3	909	28.4	1.8	32.4%	6.6%
VHM	Bất động sản	44.9	-0.2%	0.7	8,500	4.4	7,221	6.2	1.4	22.9%	25.2%
DXG	Bất động sản	13.7	-4.9%	1.5	363	3.6	1,390	9.9	0.9	26.9%	9.2%
SSI	Chứng khoán	16.5	-2.7%	1.8	1,068	11.6	2,253	7.3	1.1	34.2%	14.5%
VCI	Chứng khoán	26.1	-1.3%	1.0	494	7.0	3,497	7.5	1.6	17.2%	24.3%
HCM	Chứng khoán	20.9	0.5%	1.7	415	3.9	2,087	10.0	1.2	40.9%	14.5%
FPT	Công nghệ	74.0	-2.0%	0.9	3,530	3.2	4,803	15.4	4.1	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	60.0	-1.6%	0.4	857	0.0	4,926	12.2	3.3	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.0	0.0%	1.0	9,154	2.8	6,989	15.7	3.7	3.0%	25.5%
PLX	Dầu khí	29.3	0.7%	1.5	1,619	0.7	738	39.7	1.6	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.7	5.6%	1.5	472	8.4	1,044	21.8	0.9	11.9%	4.1%
BSR	Dầu khí	18.1	1.7%	0.8	2,440	4.0	2,108	8.6	1.5	41.1%	19.1%
DHG	Dược	86.0	0.9%	0.2	489	0.0	6,822	12.6	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	41.3	-5.5%	1.4	702	8.2	14,563	2.8	1.2	16.7%	51.9%
DCM	Hóa chất	30.1	-7.0%	1.4	692	14.5	7,691	3.9	1.6	10.1%	49.8%
VCB	Ngân hàng	73.6	-1.9%	0.8	15,144	4.0	5,584	13.2	2.7	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	33.7	-1.0%	1.2	7,412	2.0	3,201	10.5	1.8	16.9%	18.1%
CTG	Ngân hàng	24.0	-1.8%	1.5	5,015	5.7	3,239	7.4	1.1	26.9%	15.5%
VPB	Ngân hàng	17.5	1.7%	1.2	5,108	16.4	2,995	5.8	1.2	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	17.9	-0.6%	1.4	3,529	8.0	3,876	4.6	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	21.8	-2.9%	1.1	3,201	3.4	3,922	5.6	1.3	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	62.7	-3.8%	0.7	223	0.3	6,869	9.1	2.0	85.3%	22.9%
NTP	Nhựa	35.5	-2.2%	0.7	200	0.1	3,961	9.0	1.6	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	13.2	0.0%	1.5	631	0.1	178	74.2	1.0	10.1%	1.4%
HPG	Thép	15.4	2.3%	1.2	3,881	26.7	2,662	5.8	0.9	19.8%	17.0%
HSG	Thép	12.4	6.4%	1.7	322	7.2	439	28.3	0.7	6.2%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	78.3	-2.4%	0.5	7,115	6.3	3,778	20.7	5.3	55.5%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	183.5	-0.1%	0.8	5,116	1.3	8,428	21.8	4.8	62.7%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	81.0	-6.4%	1.0	5,014	3.2	6,744	12.0	4.5	29.5%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.5	0.4%	1.5	368	0.3	1,290	10.4	1.0	8.0%	9.1%
ACV	Vận tải	73.9	-0.3%	0.8	6,995	0.1	363	203.7	4.3	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	105.0	-1.2%	1.1	2,473	1.3	114	919.7	3.2	16.3%	0.4%
HVN	Vận tải	10.9	0.0%	1.7	1,049	0.2	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	45.8	-1.1%	0.9	599	1.1	3,063	14.9	1.9	47.8%	14.2%
PVT	Vận tải	17.5	1.4%	1.4	246	1.0	2,528	6.9	1.0	14.7%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	50.5	-2.9%	0.9	351	0.2	7,783	6.5	1.6	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	39.1	-4.2%	0.8	762	1.1	4,399	8.9	2.4	5.4%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.1	-0.5%	1.3	168	0.1	652	15.5	0.8	1.9%	4.7%
CTD	Xây dựng	42.1	0.4%	1.4	135	0.5	(832)	#N/A N/A	0.4	52.6%	-0.7%
CII	Xây dựng	16.0	0.9%	1.4	175	2.2	1,442	11.1	0.7	7.5%	7.1%
REE	Điện	75.1	-2.5%	-1.4	1,160	2.6	7,767	9.7	1.8	49.1%	20.2%
PC1	Điện	18.8	2.7%	-0.4	221	0.9	1,507	12.5	1.0	4.3%	8.7%
POW	Điện	10.2	-1.4%	0.6	1,039	2.7	499	20.5	0.8	3.0%	3.9%
NT2	Điện	25.7	-1.5%	0.7	322	0.8	2,858	9.0	1.7	14.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	17.9	2.6%	1.6	597	12.7	2,934	6.1	0.8	17.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	80.5	-1%	0.9	3,623	0.3	1,654	48.7	4.8	2.9%	12.2%

BSC

11/2/2022

Vietnam Daily Review

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	15.35	2.33	0.51	40.12MLN
VPB	17.50	1.74	0.51	21.51MLN
VIB	20.70	2.73	0.29	9.64MLN
PVD	17.30	6.79	0.15	6.17MLN
BHN	49.45	5.21	0.14	100

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	22.70	5.58	0.47	8.63MLN
DNP	25.00	5.04	0.18	4200
IPA	12.30	4.24	0.07	237800
KSF	73.80	0.41	0.07	86100.00
EVS	13.30	4.72	0.07	196800

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-1.00	1.83MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.77	4.32MLN	607060
VNM	-0.01	-0.61	188900	373600
MWG	0.00	-0.55	3.54MLN	192700
EIB	0.00	-0.54	5.39MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	44.00	-3.08	-0.57	1.82MLN
CEO	13.60	-4.23	-0.19	5.52MLN
THD	38.20	-0.78	-0.17	13200
PTI	32.30	-9.78	-0.14	400
BAB	14.00	-0.71	-0.12	11000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STG	45.15	6.99	0.07	63300.00
SVI	53.30	6.92	0.01	200
TNC	60.30	6.91	0.02	100
PDN	123.70	6.91	0.04	100
TNI	3.41	6.90	0.00	121500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	2.20	10.0	0.02	1.95MLN
LM7	3.30	10.0	0.00	2100
HJS	37.40	9.7	0.06	100
VSM	19.40	9.6	0.00	100
HAT	24.00	9.6	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	81.00	-6.36	-1.97	893000
VCB	73.60	-1.87	-1.67	1.26MLN
VNM	78.30	-2.37	-1.00	1.83MLN
MWG	48.00	-4.19	-0.77	4.32MLN
EIB	34.05	-5.42	-0.61	188900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BXH	9.90	-10.00	0.00	1100
PIA	25.50	-9.89	-0.01	100
SDG	17.40	-9.84	0.00	500
PTI	32.30	-9.78	-0.14	400
NBW	25.90	-9.76	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday

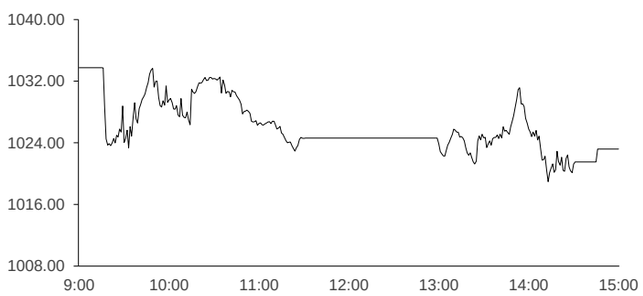

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

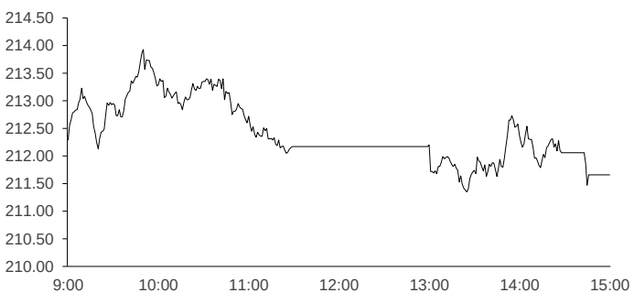

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành

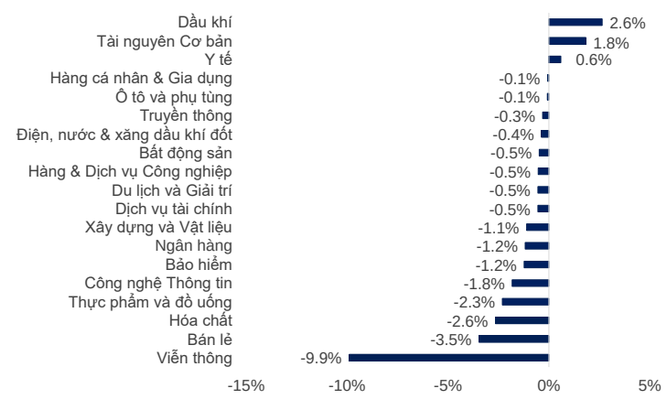

Nguồn: Fiinpro

Hình 4

Giao dịch khối ngoại

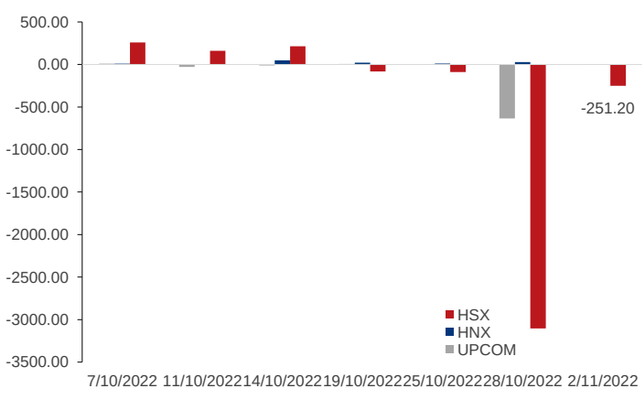

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

BSC

11/2/2022

Vietnam Daily Review

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	73.9	363	203.7	4.3	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	101.1	7,720	13.1	2.9	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	17.3	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	74.0	4,803	15.4	4.1	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	62.7	6,869	9.1	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	54.4	5,795	9.4	2.0	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	23.0	1,786	12.9	1.4	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	33.8	10,803	3.1	1.2	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	71.3	12,293	5.8	1.7	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	41.0	4,727	8.7	1.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	18.1	2,108	8.6	1.5	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	23.2	1,966	11.8	1.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.7	1,390	9.9	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	15.4	2,662	5.8	0.9	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	15.9	1,409	11.3	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	41.3	14,563	2.8	1.2	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	10.1	652	15.5	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.7	2,858	9.0	1.7	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.3	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	18.8	3,943	4.8	0.6	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	14.8	1,168	12.6	1.3	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	18.8	1,507	12.5	1.0	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	10.2	499	20.5	0.8	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	13.5	2,826	4.8	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	75.1	7,767	9.7	1.8	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	27.4	4,406	6.2	0.7	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	110.0	6,989	15.7	3.7	Click
28	ANV	Thuỷ sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	28.9	4,889	5.9	1.3	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	15.4	2,662	5.8	0.9	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.4	3,944	2.6	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	18.1	2,108	8.6	1.5	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	53.6	3,936	13.6	4.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	101.1	7,720	13.1	2.9	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.6	2,725	5.4	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.7	2,858	9.0	1.7	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	55.8	11,143	5.0	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	77.5	5,327	14.5	4.8	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	18.8	1,507	12.5	1.0	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.6	671	18.8	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	74.0	4,803	15.4	4.1	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	23.1	2,642	8.7	1.5	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	13.5	2,826	4.8	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	10.2	499	20.5	0.8	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	101.1	7,720	13.1	2.9	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	48.0	3,504	13.7	3.0	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	17.5	2,528	6.9	1.0	Click

BSC

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	**x**		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	**x**		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		**x**	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
10	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
11	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
13	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
15	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
17	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
18	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
20	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
21	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
23	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
24	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
27	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
30	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
33	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
36	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
38	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
40	Banking Sector Outlook		x	Click
41	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
43	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639